

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2021/DS-ST
Ngày: 27 tháng 9 năm 2021
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Tư và bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Tổng Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Chu Ngọc Linh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27/9/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196A/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 144/2021/QĐXX-ST ngày 03/9/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 150/2021/QĐST-DS ngày 20/9/2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Giáp Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: số nhà 93, ngõ 1, xóm Bến, thôn Liêm Xuyên, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

* *Bị đơn:* Bà Dương Thị H, sinh năm 1975. Địa chỉ: Số nhà 25 đường Võ Nguyên Giáp, thôn Liêm Xuyên, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Văn Quyết, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Liêm Xuyên, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Giáp Thị T trình bày:

Bà Giáp Thị T và bà Dương Thị H có mối quan hệ quen biết do ở cùng thôn. Ngày 30/01/2016 (khi đó ông Q và bà H chưa ly hôn) bà T có cho bà H vay số tiền là 300.000.000 đồng.

Khi cho vay giữa bà T và bà H có lập hợp đồng bằng văn bản. Lãi suất hai bên không ghi vào giấy vay nH thỏa thuận bên ngoài là theo lãi suất ngân hàng là 0,75%/tháng. Hai bên thỏa thuận bà H trả bất cứ lúc nào bà T yêu cầu.

Trong thời hạn từ ngày vay 30/01/2016 đến nay bà H chưa trả bà T được một đồng gốc và lãi nào.

Thời gian đầu thì bà T chưa cần đến tiền nên chưa đòi ngay. Đến tháng 8/2018 do bà T cần tiền nên nhà bà H đòi tiền nH bà H khất nhiều lần. Sau đó bà T gọi điện thì bà H không nghe máy.

Việc bà T cho bà H vay là việc riêng, không có chữ ký của ông Q mà chỉ có mình bà H ký nên bà T đòi bà H phải trả. Bà T không yêu cầu ông Q phải trả.

Tiền cho vay là tiền riêng của bà T không liên quan gì tới chồng bà T.

Nay bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H trả lại cho bà T số tiền gốc vay là 300.000.000 đồng.

Về lãi suất: Bà T yêu cầu bà H phải trả cho bà T lãi suất theo ngân hàng nhà nước quy định là 0,75%/tháng kể từ khi vay ngày 30/01/2016 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nH tạm tính là 5 năm 6 tháng. Cụ thể:

$$300.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times (5 \text{ năm } 6 \text{ tháng}) = 148.500.000đ.$$

$$\text{Tổng cộng: } 300.000.000đ + 148.500.000đ = 448.500.000đ.$$

Quá trình giải quyết vụ án, bà T chỉ đề nghị tính lãi suất từ khi bà khởi kiện từ ngày 29/7/2021 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm nH tính tròn là 2 tháng với lãi suất là 0,74%/tháng. Cụ thể:

$$300.000.000đ \times 0,75\%/tháng \times (02 \text{ tháng}) = 4.500.000đ.$$

$$\text{Tổng cộng: } 300.000.000đ + 4.500.000đ = 304.500.000đ.$$

(Ba trăm linh bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

Bị đơn bà Dương Thị H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định đối chất, quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nH vắng mặt và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Văn Quyết vắng mặt tại phiên tòa nH có lời khai trình bày như sau:

Việc bà T cho bà H vay tiền trong thời kỳ ông Q và bà H chưa ly hôn. Tuy nhiên bà H vay tiền bà T là vay riêng không liên quan gì tới ông Q. Trước khi vay bà H không bàn bạc gì với ông Q. Việc bà H sử dụng tiền vay vào việc gì ông Q không được biết không sử dụng tiền vào mục đích chi tiêu chung trong gia đình, chỉ đến khi người cho vay đến nhà đòi nợ thì ông Q mới được biết.

Việc bà T khởi kiện đòi bà H phải trả cho bà T số tiền vay gốc và lãi, ông Q nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giáp Thị T, buộc bà Dương Thị H phải trả cho bà T số tiền 304.500.000đ, trong đó gốc vay: 300.000.000 đồng, tiền lãi là 4.500.000đ.

Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu án phí theo qui định. Bà T không phải chịu án phí do yêu cầu được chấp nhận.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là bà Dương Thị H được Tòa án tổng đạt giấy báo phiên tòa hợp lệ vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, ông Q và bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn Thu theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có địa chỉ tại thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Kể từ tháng 8/2018 do bà T cần tiền nên đến nhà bà H đòi tiền nH bà H khất lần không trả. Mặt khác không bên nào đề nghị áp dụng thời hiệu. Do vậy tranh chấp về hợp đồng vay tài sản là còn thời hiệu khởi kiện.

[6] Về số tiền gốc vay:

Bà T trình bày là từ khi vay đến nay bà H chưa trả bà T được một đồng tiền gốc lãi nào. Tòa án có tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải, quyết định yêu cầu bà H cung cấp chứng cứ và ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của bà T. Tuy nhiên, bà H không đến Tòa án theo như triệu tập của Tòa án và không nộp cho Tòa án ý kiến trình bày. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ có trong hồ sơ. Căn cứ giấy biên nhận vay tiền ngày 30/01/2016

thì bà H có vay của bà T số tiền gốc vay là 300.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T buộc bà H phải trả cho bà T số tiền gốc vay là 300.000.000đ.

[7] Về lãi suất:

Khi xác lập giấy vay tiền đều không ghi lãi suất là bao nhiêu, chỉ ghi thời hạn trả là bất cứ lúc nào khi bà T cần. Bà T khai cho vay không ghi lãi suất vào trong giấy vay tiền nH có thỏa thuận ngoài theo lãi suất ngân hàng là 0,75%/tháng. Bà T yêu cầu bà H phải trả cho bà T lãi suất theo ngân hàng nhà nước quy định là 0,75%/tháng kể từ ngày khởi kiện ngày 29/7/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm nH tính tròn là 02 tháng. Cụ thể:

$$300.000.000\text{đ} \times 0,75\%/tháng \times (02 \text{ tháng}) = 4.500.000\text{đ}.$$

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bà H là hợp đồng vay không xác định thời hạn, hai bên không ghi lãi suất vào trong hợp đồng. Người cho vay khai nhận lãi suất thỏa thuận ngoài theo lãi suất ngân hàng là 0,75%/năm, bà H không có ý kiến nên xác định đây là trường hợp có tranh chấp về lãi suất. Mức lãi suất mà bà T yêu cầu bà H trả theo lãi suất ngân hàng nhà nước quy định vào thời điểm trả là 0,75% kể từ thời điểm khởi kiện đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Cụ thể:

$$300.000.000\text{đ} \times 0,75\%/tháng \times (02 \text{ tháng}) = 4.500.000\text{đ}.$$

$$\text{Tổng cộng: } 300.000.000\text{đ} + 4.500.000\text{đ} = 304.500.000\text{đ}.$$

(Ba trăm linh bốn triệu năm trăm nghìn đồng)

[9] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên toà là phù hợp.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà T được Tòa án chấp nhận. Bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 228; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Giáp Thị T.

2. Buộc bà Dương Thị H phải trả cho bà Giáp Thị T số tiền gốc vay và lãi suất tổng cộng là 304.500.000đ *(Ba trăm linh bốn triệu năm trăm nghìn đồng)*, trong đó: gốc vay là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 4.500.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải

trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

3. Về án phí: Bà Dương Thị H phải chịu 15.225.000 (*Mười năm triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Giang;
- CCTHA-DS TP Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường